TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **337**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 05/8/2022
V/v tranh chấp *"Ly hôn và nuôi con chung"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Bích Thiền**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Tấn Đạt**

2. Ông **Phạm Thành Công**

Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Hồng Duyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Phúc** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 190/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022, về tranh chấp *"Ly hôn và nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 179/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 190/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn**: Chị **Trần Thị Mỹ T**, sinh năm xxxx. *(xin vắng mặt)*
Địa chỉ: Ấp D, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang.
2. **Bị đơn**: Anh **Võ Văn E**, sinh năm xxxx. *(vắng mặt không lý do)*
Địa chỉ: Ấp D, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn ngày 07/4/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ T trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh E kết hôn năm 2004, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K vào tháng 5/2005. Vợ chồng chị chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do anh E đi làm xa, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Sau khi mâu thuẫn xảy ra, vợ chồng chị đã ly thân và không trao đổi hàn gắn tình cảm. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh E nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng chị chung sống có 02 con chung là cháu Võ Minh

T, sinh ngày xx/xx/xxxx và cháu Võ Thị Ngọc TH, sinh ngày xx/xx/xxxx hiện đang sống cùng chị. Ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con và không yêu cầu anh E cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

** Qúa trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Võ Văn E vắng mặt không lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn dù đã được Tòa án triệu tập và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.*

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Mỹ T, chị T được ly hôn với anh Võ Văn E. Về nuôi con chung: Giao 02 con chung tên Võ Minh T, sinh ngày xx/xx/xxxx và Võ Thị Ngọc TH, sinh ngày xx/xx/xxxx cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh E không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Võ Văn E, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết về việc nuôi con chung sau khi ly hôn nên quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, bị đơn anh Võ Văn E cư trú tại ấp D, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang nên Tòa án nhân dân huyện G thụ lý giải quyết yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vắng mặt không lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Vợ chồng anh E và chị T tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K theo Giấy chứng nhận kết hôn số 72 ngày 19/7/2005 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị T trình bày do anh E đi làm xa và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, hiện anh chị cũng đã sống ly thân. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh E không đến Tòa án, không gửi văn bản phản đối yêu cầu ly hôn của chị Trang; cho thấy anh E không còn tha thiết với cuộc hôn nhân này. Cho thấy mâu thuẫn giữa anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn với anh E.

[4] Về nuôi con chung: Anh chị chung sống có 02 người con chung tên Võ Minh T, sinh ngày xx/xx/xxxx và Võ Thị Ngọc TH, sinh ngày xx/xx/xxxx. Xét yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con của chị T là có cơ sở chấp nhận. Vì hiện 02 cháu sống cùng chị đã ổn định cuộc sống về mọi mặt và nay 02 cháu có nguyện vọng muốn tiếp tục sống cùng chị; phía anh E cũng không phản đối yêu cầu này của chị. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao 02 con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh E được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh E cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị T yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - *Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;*

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Mỹ T, cho chị T được ly hôn với anh Võ Văn E.

2. Về nuôi con chung:

- Giao 02 con chung tên Võ Minh T, sinh ngày xx/xx/xxxx và Võ Thị Ngọc TH, sinh ngày xx/xx/xxxx cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh E không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Anh E được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007785 ngày 27/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G nên xem như chị đã nộp xong án phí.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện G;
- CC.THADS huyện G;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bích Thiền